



SO SÁNH HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH GIỮA CHĂN NUÔI SINH THÁI VÀ CHĂN NUÔI TRUYỀN THỐNG: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU NÔNG HỘ CHĂN NUÔI Ở HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Nguyễn Quốc Nghi¹, Trần Thị Diễm Cần² và Nguyễn Thị Thúy Oanh³

¹Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

²Khoa Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

³Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phong Điền

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 03/06/2016

Ngày nhận bài sửa: 26/04/2017

Ngày duyệt đăng: 28/06/2017

Title:

Comparison of financial performance between ecology livestock and traditional livestock raising: a case study in Phong Dien district, Can Tho city

Từ khóa:

Chăn nuôi, hiệu quả tài chính, sinh thái, truyền thống

Keywords:

Ecology, financial performance, livestock, tradition

ABSTRACT

The study was conducted to compare the financial performance between two forms as traditional and integrated farming system so called ecological livestock production in Phong Dien district, Can Tho city. Research data from interviews of 223 farmers who have been engaging in animal husbandry in the district were analyzed through descriptive statistics and comparative financial ratios. Research results showed that the total economic cost of ecological livestock production was higher benefits than traditional form. In particular, the financial ratios of reflecting the profitability of households in ecological livestock production was virtually higher than traditional sector.

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm so sánh hiệu quả tài chính giữa hình thức chăn nuôi theo hướng sinh thái và hình thức chăn nuôi theo truyền thống của các hộ chăn nuôi trên địa bàn huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Số liệu phục vụ nghiên cứu được thu thập từ 223 nông hộ có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn huyện với hình thức phỏng vấn trực tiếp. Thông qua các phương pháp phân tích như: thống kê mô tả, so sánh tỷ số tài chính, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, hình thức chăn nuôi sinh thái mang lại lợi ích cao hơn so với hình thức chăn nuôi truyền thống, cụ thể: các tỷ số phản ảnh khả năng sinh lợi của nhóm hộ chăn nuôi theo hình thức sinh thái hầu như cao hơn nhóm hộ chăn nuôi theo hình thức truyền thống.

Trích dẫn: Nguyễn Quốc Nghi, Trần Thị Diễm Cần và Nguyễn Thị Thúy Oanh, 2017. So sánh hiệu quả tài chính giữa chăn nuôi sinh thái và chăn nuôi truyền thống: Trường hợp nghiên cứu nông hộ chăn nuôi ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 50d: 80-86.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Chăn nuôi ngày càng trở thành một bộ phận quan trọng trong cơ cấu nông nghiệp của cả nước nói chung và của từng địa phương nói riêng. Chăn nuôi giữ vai trò quan trọng không những cung cấp các loại thực phẩm phục vụ nhu cầu ngày càng cao

của con người mà còn phục vụ hoạt động chế biến, xuất khẩu. Tuy nhiên, hiện nay ngành chăn nuôi Việt Nam đang đứng trước rất nhiều khó khăn và thách thức như mô hình chăn nuôi nhỏ lẻ, manh mún còn rất phổ biến; dịch bệnh xuất hiện thường xuyên; giá thức ăn tăng cao; cạnh tranh về giá của sản phẩm nhập khẩu; chất lượng vệ sinh an toàn

thực phẩm không đảm bảo và ô nhiễm môi trường. Tất cả những yếu tố trên đã làm giảm hiệu quả và tính bền vững của ngành chăn nuôi. Mặt khác, trước đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng sản phẩm chăn nuôi của người tiêu dùng trong nước cũng như các yêu cầu khắt khe của các nước nhập khẩu về chuẩn mực an toàn vệ sinh thực phẩm, ngành chăn nuôi cần có những hướng đi mới cho sự phát triển an toàn và bền vững hơn. Hướng đi này phải đảm bảo chất lượng sản phẩm ngày càng cao, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững mà không làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và sức khỏe, cuộc sống của con người. Thiết nghĩ, đó chỉ có thể là nền “nông nghiệp sinh thái” hay nói cụ thể hơn là “chăn nuôi sinh thái”.

Sau hơn 3 năm Cần Thơ triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu (chuyển dịch cơ cấu) nông nghiệp thành phố Cần Thơ theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 theo Quyết định số 889/QĐ-TTg, ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ, bước đầu đã hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp. Vùng tập trung cây ăn trái đặc sản gắn với du lịch sinh thái ở huyện Phong Điền, vùng sản xuất rau an toàn, vùng nuôi cá tra theo tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt, phát triển chăn nuôi an toàn sinh học ở huyện Phong Điền, quận Ô Môn và quận Thốt Nốt (Minh Phước, 2016). Phong Điền là một huyện ngoại thành, được gọi là “lá phổi xanh” của thành phố Cần Thơ. Sản xuất nông nghiệp vẫn đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của huyện. Năm 2016, tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện có sự chuyển biến tích cực cả về số lượng và chất lượng, với tổng đàn gia súc là 19.000 con, đạt 115,2% kế hoạch, tổng đàn gia cầm là 240.000 con, đạt 109,1 % kế hoạch (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phong Điền, 2016). Thời gian qua, nhằm hướng đến mục tiêu trở thành “đô thị sinh thái”, ngoài việc tập trung vào phát triển du lịch sinh thái thì lĩnh vực nông nghiệp cũng được huyện chủ trương phát triển theo mô hình sinh thái, hướng về môi

trường và phát triển bền vững. Trong đó, một số mô hình chăn nuôi theo hướng sinh thái đã được nông hộ tại địa phương ứng dụng và bước đầu mang lại những kết quả khả quan. Tuy nhiên, nhằm có những đánh giá khách quan về hiệu quả của chăn nuôi sinh thái, nghiên cứu này được thực hiện nhằm so sánh về hiệu quả tài chính của những hộ chăn nuôi theo hình thức sinh thái và những hộ chăn nuôi theo truyền thống, đồng thời xác định những sự khác biệt trong phương thức chăn nuôi của hai hình thức này.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Số liệu sơ cấp của nghiên cứu được thu thập thông qua hình thức phỏng vấn trực tiếp 223 nông hộ chăn nuôi tại các xã: Nhơn Ái, Nhơn Nghĩa, Tân Thới, Giai Xuân, Trường Long, Mỹ Khánh và thị trấn Phong Điền của huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Đối tượng khảo sát bao gồm: nông hộ chăn nuôi theo hình thức sinh thái và nông hộ chăn nuôi theo hình thức truyền thống. Trong nghiên cứu này, hộ chăn nuôi theo hướng sinh thái được hiểu là những nông hộ chăn nuôi có các đặc điểm sau đây: (1) Có ứng dụng toàn bộ hay một phần của mô hình V-A-C (vườn-ao-chuồng); (2) Có ứng dụng toàn bộ hoặc một phần kỹ thuật chăn nuôi sinh thái. Trong khi đó, chăn nuôi truyền thống tại đây có đặc điểm là hoạt động theo tập quán và thói quen, không áp dụng các kỹ thuật của tiến bộ khoa học như: không chú trọng xử lý chất thải trong chăn nuôi, chỉ sử dụng thức ăn chăn nuôi tổng hợp mà không sử dụng nguồn thức ăn tự nhiên (rau xanh, bã hèm,...)

Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua 3 bước: (1) Liên hệ với tổ chức Hội Nông dân tại các xã trên địa bàn huyện Phong Điền nhằm xác định các đối tượng khảo sát; (2) Thông qua sự giới thiệu của tổ chức Hội, tiến hành điều tra thử một số hộ chăn nuôi điển hình; (3) Thực hiện điều tra chính thức (phỏng vấn trực tiếp) theo sự giới thiệu của cán bộ Hội Nông dân tại địa bàn.

Bảng 1: Cơ cấu mẫu khảo sát nông hộ chăn nuôi

Đối tượng khảo sát	Số quan sát	Tỷ trọng (%)
Hộ chăn nuôi truyền thống	108	48,43
Hộ chăn nuôi theo hướng sinh thái	115	51,57
Tổng cộng	223	100,00

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2015

2.1 Phương pháp phân tích

Phương pháp thống kê mô tả với các chỉ tiêu như số trung bình, tần suất, tỷ lệ được sử dụng để phân tích thực trạng chăn nuôi theo hướng sinh thái trên địa bàn huyện Phong Điền. Bên cạnh đó, các

tỷ số tài chính như doanh thu (DT), chi phí (CP), lợi nhuận (LN), tỷ suất lợi nhuận/doanh thu (LN/DT), tỷ suất doanh thu/chi phí (DT/CT), tỷ suất lợi nhuận trên chi phí (LN/CP) và so sánh các tỷ số tài chính cũng được ứng dụng trong nghiên

cứu này để đánh giá hiệu quả tài chính trong hoạt động chăn nuôi của nông hộ.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Thực trạng chăn nuôi theo hướng sinh thái huyện Phong Điền

3.1.1 Hình thức chăn nuôi

Kết quả khảo sát thực tế về hình thức chăn nuôi

Bảng 2: Thông tin về các hình thức chăn nuôi của nông hộ

Hình thức chăn nuôi	Hộ truyền thống		Hộ sinh thái	
	Số hộ	Tỷ trọng (%)	Số hộ	Tỷ trọng (%)
Gia súc	66	61,11	25	21,74
Gia cầm	33	30,55	38	33,04
Gia súc – Gia cầm	9	8,34	4	3,48
Gia súc – Trồng trọt (C-V)	-	-	45	39,13
Gia súc – Thủy sản (C-A)	-	-	3	2,61
Tổng cộng	108	100,00	115	100,00

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2015

3.1.2 Quy mô chăn nuôi

Kết quả khảo sát thực tế cho thấy, quy mô chăn nuôi của nông hộ chăn nuôi sinh thái lớn hơn nông hộ chăn nuôi theo hình thức truyền thống. Loại gia súc được chăn nuôi chủ yếu trên địa bàn là heo, gia cầm gồm có gà, vịt. Bình quân số lượng gia súc của hộ chăn nuôi sinh thái cao gần 4 lần số lượng

của nông hộ ở huyện Phong Điền được trình bày trong Bảng 2. Số liệu thống kê cho thấy rằng, đa số nông hộ chăn nuôi gia súc (heo), gia cầm (gà, vịt). Riêng đối với hộ chăn nuôi theo hướng sinh thái, có không ít hộ ứng dụng một phần mô hình V-A-C, cụ thể: mô hình V-A kết hợp chăn nuôi gia súc với nuôi cá hoặc sử dụng phế phẩm chăn nuôi gia súc để làm phân bón trong trồng trọt (mô hình C-V).

nuôi của hộ chăn nuôi truyền thống, quy mô đàn gia cầm gấp khoảng 2,6 lần và số lượng trứng từ chăn nuôi gia cầm cũng gấp 5 lần. Như vậy, quy mô chăn nuôi là một trong những điểm khác biệt lớn giữa chăn nuôi truyền thống và chăn nuôi theo hướng sinh thái.

Bảng 3: Quy mô chăn nuôi của nông hộ

Hình thức chăn nuôi	Hộ truyền thống		Hộ sinh thái	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Gia súc (con/năm)	88	121,22	349	131,16
Gia cầm (con/năm)	1.081	4.370,54	2.913	5.246,03
Trứng gia cầm (quả/năm)	29.183	38.413,50	148.500	98.312,50
Trồng trọt (m ²)	-	-	15.900	12.243,00
Thủy sản (m ²)	-	-	4.000	3.497,05

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2015

3.1.3 Phương thức chăn nuôi

Những đặc điểm nổi bật nói lên sự khác biệt giữa hình thức chăn nuôi theo hướng sinh thái và chăn nuôi theo phương pháp truyền thống được khảo sát từ các hộ chăn nuôi trên địa bàn huyện Phong Điền được trình bày trong Bảng 4. Thực tế khảo sát chỉ ra rằng, nông hộ chăn nuôi theo hình thức sinh thái chú trọng hơn các yếu tố về môi

trường, hướng đến quy luật chăn nuôi tự nhiên như: cho ăn thức ăn xanh, cho uống nước sạch, tái sử dụng phế phẩm để trồng trọt hoặc nuôi cá nhằm bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, nông hộ chăn nuôi theo hình thức sinh thái cũng chú trọng đến các yếu tố về kỹ thuật trong chăn nuôi để đàn gia súc, gia cầm có được sự sinh trưởng và phát triển tốt.

Bảng 4: Sự khác biệt về phương thức chăn nuôi của hộ chăn nuôi theo hình thức truyền thống và chăn nuôi theo hình thức sinh thái

Phương thức chăn nuôi	Hộ nuôi truyền thống	Hộ nuôi sinh thái
Chuồng trại, khu vực nuôi	Chỉ xây chuồng ở nơi thuận tiện, chưa chú trọng các yếu tố kỹ thuật hướng sáng, hướng gió,... (21,3%)	Xa nhà, hạn chế nhiều người lui tới. Được xây dựng thoáng mát, rộng rãi (nuôi heo), có bãi đất rộng, mương nước tắm riêng (gia cầm) (75,5%)
Nguồn nước	Chỉ sử dụng nước máy, nước giếng cho uống. Nước tắm thì tận dụng nguồn nước từ ao, sông (89,9%)	Dùng nước sạch cho gia súc, gia cầm uống. Nước tắm cũng là nguồn nước sạch. Nước được sử dụng là nước máy hoặc nước giếng (54,6%)
Xử lý phân	Không tái sử dụng, thải trực tiếp ra bên ngoài môi trường (trên mặt đất không thu gom, ra ao hồ, kênh sông,...)	Thu gom phân thải gia súc, gia cầm và ủ thành phân bón cho cây trồng hoặc dùng làm thức ăn cho cá (98,9%)
Vệ sinh	Vệ sinh khu vực chăn nuôi thường xuyên nhưng không có thực hiện sát trùng khu vực chăn nuôi (100%)	Thường xuyên vệ sinh khu vực và quanh khu vực chăn nuôi, có thực hiện sát trùng khu vực chăn nuôi định kỳ (100%)
Hệ thống Biogas	Không có	Tận dụng phân vật nuôi là biogas (56,2%)

Nguồn: Khảo sát thực tế, 2015

3.1.4 Nhận thức và nguồn thông tin về chăn nuôi sinh thái của nông hộ

Nông nghiệp sinh thái ngày nay được nhắc đến như một chiến lược phát triển kinh tế nông nghiệp. Ở nhiều khu vực đã và đang áp dụng rộng rãi các mô hình chăn nuôi sinh thái như sử dụng hầm biogas, sử dụng đệm lót sinh học, sử dụng thức ăn tự nhiên trong chăn nuôi... Tuy nhiên, không phải

nông hộ nào cũng có những nhận thức sâu sắc về nông nghiệp sinh thái nói chung và chăn nuôi sinh thái nói riêng. Tại địa bàn nghiên cứu cũng vậy, có nhiều nông hộ chăn nuôi theo hình thức sinh thái nhưng họ không hề biết gì đến khái niệm “chăn nuôi sinh thái”. Tuy nhiên, cũng có những hộ có hiểu biết rất sâu sắc về nông nghiệp sinh thái cũng như chăn nuôi sinh thái.

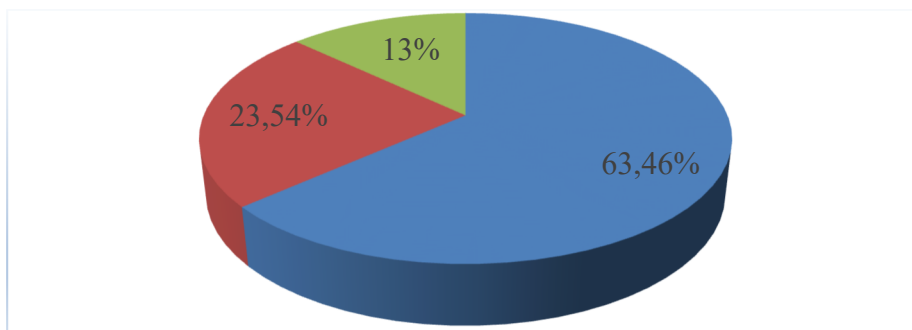
Bảng 5: Nhận thức của nông hộ về chăn nuôi sinh thái

Nhận thức	Hộ nuôi truyền thống		Hộ nuôi sinh thái	
	Số hộ	Tỷ trọng (%)	Số hộ	Tỷ trọng (%)
Biết và hiểu rõ về “chăn nuôi sinh thái”	34	31,48	53	46,09
Hoàn toàn không biết	74	68,52	62	53,91
Tổng cộng	108	100,00	115	100,00

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2015

Về nguồn thông tin để biết đến chăn nuôi sinh thái, truyền hình, truyền thanh là nguồn thông tin mà đa số nông hộ tiếp cận để nắm bắt các thông tin về chăn nuôi sinh thái (các chương trình Bạt nhà nông, chương trình giới thiệu các mô hình chăn nuôi thành công,...), chiếm tỷ lệ 63,46%. Tổ chức Hội, Đoàn thể như: Hội Nông dân, Câu lạc bộ chăn

nuôi tại địa phương cũng là những nguồn thông tin quan trọng đối với nông hộ chăn nuôi sinh thái (23,54%). Bên cạnh đó, các cuộc hội thảo, tập huấn được tổ chức bởi Trung tâm Khuyến nông hay các doanh nghiệp kinh doanh thức ăn chăn nuôi cũng là nguồn thông tin không kém phần quan trọng và mang tính thực tiễn cao (13,0%).



■ Truyền thanh, truyền hình ■ Tổ chức Hội, Đoàn thể ■ Hội thảo, tập huấn

Hình 1: Các nguồn tiếp cận thông tin chăn nuôi sinh thái của nông hộ

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2015

3.2 Hiệu quả tài chính giữa nông hộ chăn nuôi theo hình thức truyền thống và nông hộ chăn nuôi theo hình thức sinh thái

3.2.1 Chi phí

Chi phí là một trong những tiêu chí được quan

tâm nhất trong bất kỳ hoạt động sản xuất nào. Trong chăn nuôi, nếu chi phí được kiểm soát càng tốt thì lợi nhuận mang lại sẽ càng xứng đáng với sự đầu tư của nông hộ chăn nuôi. Chi phí chăn nuôi phụ thuộc vào sự đầu tư về cơ sở vật chất cũng như quy mô chăn nuôi.

Bảng 6: Chi phí cho hoạt động chăn nuôi giữa hai nhóm hộ

DVT: 1.000 đồng/năm/hộ

Khoản mục	Hộ nuôi heo		Hộ nuôi Gà		Hộ nuôi Vịt	
	Truyền thống	Sinh thái	Truyền thống	Sinh thái	Truyền thống	Sinh thái
Khấu hao	2.339,10	3.731,83	2.784,00	5.700,80	4.031,59	5.130,91
Con giống	14.971,79	13.940,28	8.068,75	24.710,00	28.180,87	83.834,55
Thức ăn	52.701,99	51.471,13	39.780,00	73.156,00	61.760,00	136.989,10
Thuốc	2.585,92	2.757,86	4.227,50	4.866,50	3.226,09	3.618,18
LĐ thuê	320,80	338,03	0,00	860,00	4.173,91	8.181,82
LĐGD	17.934,69	16.294,46	19.575,00	22.258,20	24.803,91	24.697,73
Máy móc	284,27	329,55	1.318,50	2.508,00	130,35	398,18
CP khác	923,4	943,21	1018,06	1079,8	3145,7	947,82
Tổng CP	91,822,90	89,812,56	76,771,81	135,139,30	129,378,60	263,798,30

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2015

Kết quả tính toán từ Bảng 6 cho thấy, chi phí chăn nuôi có sự chênh lệch giữa hộ nuôi theo truyền thống và hộ nuôi theo hướng sinh thái. Sự chênh lệch trên được lý giải là do sự khác biệt về diện tích, quy mô chăn nuôi. Bên cạnh đó, những nông hộ chăn nuôi heo có thể tận dụng được nguồn thức ăn tự nhiên, đồng thời sản xuất theo phương pháp nông nghiệp sinh thái có xu hướng chăn nuôi theo quy luật tự nhiên nên chi phí lao động gia đình được giảm thiểu nhiều hơn. Do đó, nhóm hộ này thường có chi phí thấp hơn. Đối với chăn nuôi gà và vịt, do chi phí con giống và thức ăn phải đảm bảo chất lượng nên tổng chi phí đầu tư của nông hộ

chăn nuôi theo hướng sinh thái cao hơn so với nhóm hộ nuôi theo hình thức truyền thống.

3.2.2 Doanh thu và lợi nhuận

Thông tin từ Bảng 7 cho thấy rằng, doanh thu và lợi nhuận đạt được của nông hộ chăn nuôi theo hình thức sinh thái cao hơn hộ chăn nuôi theo truyền thống. Mặc dù, có những khoản chi phí, nông hộ chăn nuôi theo hình thức sinh thái phải đầu tư lớn hơn so với nông hộ chăn nuôi theo hình thức truyền thống, tuy nhiên chất lượng đàn vật nuôi từ chăn nuôi sinh thái giúp nông hộ bán sản phẩm với giá cao hơn. Đồng thời, các sản phẩm phụ trong chăn nuôi cũng góp phần mang lại nguồn doanh thu không nhỏ cho hộ.

Bảng 7: Doanh thu và lợi nhuận trung bình của hai nhóm hộ chăn nuôi

ĐVT: 1.000 đồng/năm/hộ

Chỉ tiêu	Hộ nuôi Heo		Hộ nuôi Gà		Hộ nuôi Vịt	
	Truyền thống	Sinh thái	Truyền thống	Sinh thái	Truyền thống	Sinh thái
Doanh thu	129.368,30	148.430,80	90.045,00	178.827,00	140.160,00	309.015,60
Thu nhập ròng	39.649,76	59.796,57	13.273,19	45.704,70	10.781,43	47.081,00
Lợi nhuận	53.056,94	73.315,28	32.848,19	61.623,90	35.585,35	68.051,45

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2015

3.2.3 Các chỉ số phản ánh khả năng sinh lợi

Do sự khác biệt về quy mô chăn nuôi nên việc so sánh chi phí và lợi nhuận đơn thuần chưa đủ để phản ánh sự chênh lệch về hiệu quả tài chính giữa 2 nhóm nông hộ. Chính vì vậy, việc so sánh các chỉ

số tài chính sẽ phản ánh đầy đủ hơn về hiệu quả đầu tư của nông hộ chăn nuôi theo hình thức nông nghiệp sinh thái so với nông hộ chăn nuôi theo hình thức truyền thống.

Bảng 8: Các chỉ số phản ánh khả năng sinh lợi của hai nhóm hộ chăn nuôi

Chỉ tiêu	Hộ nuôi heo		Hộ nuôi gà		Hộ nuôi vịt	
	Truyền thống	Sinh thái	Truyền thống	Sinh thái	Truyền thống	Sinh thái
Doanh thu/Chi phí	1,41	1,65	1,17	1,32	1,08	1,17
Lợi nhuận/Doanh thu	0,41	0,49	0,36	0,34	0,25	0,22
Lợi nhuận/Chi phí	0,58	0,82	0,43	0,46	0,26	0,28

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2015

Doanh thu/Chi phí: Số liệu cho thấy cả 2 nhóm nông hộ chăn nuôi theo hình thức sinh thái và hình thức truyền thống đều đạt tỷ suất Doanh thu/Chi phí lớn hơn 1, tức có hiệu quả. Tuy nhiên, hộ chăn nuôi theo hình thức sinh thái có tỷ số này cao hơn, nghĩa là đạt hiệu quả tốt hơn.

Lợi nhuận/Doanh thu: Xét về tổng thể, nhóm nông hộ chăn nuôi theo hình thức truyền thống có các chỉ số Lợi nhuận/Doanh thu cao hơn nhóm hộ chăn nuôi theo hướng sinh thái. Điều này được giải thích bởi sự đầu tư về chi phí của nhóm hộ nuôi theo hướng sinh thái cao hơn nên phần trăm của lợi nhuận trong doanh thu theo đó cũng thấp hơn. Chỉ số Lợi nhuận/Chi phí sẽ phản ánh rõ hơn về mặt hiệu quả.

Lợi nhuận/Chi phí: Thực tế nghiên cứu cho thấy, tỷ số Lợi nhuận/Chi phí của nông hộ chăn nuôi theo hình thức sinh thái cao hơn nhóm nông hộ chăn nuôi theo hình thức truyền thống. Với một đồng chi phí đầu tư như nhau, nông hộ chăn nuôi theo hình thức sinh thái có thể tạo ra nhiều lợi nhuận hơn so với nhóm nông hộ chăn nuôi theo hình thức truyền thống. Lợi ích này đạt được là nhờ sự khác biệt về chất lượng sản phẩm chăn nuôi và việc tận dụng các phế phẩm trong các hình thức chăn nuôi kết hợp.

4 KẾT LUẬN

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu đã phản ánh hiệu quả tài chính giữa nông hộ chăn nuôi theo hình thức sinh thái và nông hộ chăn nuôi theo hình thức truyền thống trên địa bàn huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Nhóm hộ chăn nuôi theo hướng sinh thái có phương thức chăn nuôi hướng về tự nhiên nhưng cũng chú trọng đến các vấn đề kỹ thuật. Việc ứng dụng hình thức chăn nuôi sinh thái giúp cho nông hộ đạt được lợi ích cao hơn so với những nông hộ vẫn còn chăn nuôi theo truyền thống, hoạt động sản xuất theo thói quen và ngại đổi mới. Ngoài ra, nghiên cứu còn chỉ ra rằng, các nguồn thông tin quan trọng để nông hộ tiếp cận được hình thức chăn nuôi theo hướng sinh thái là: truyền thanh, truyền hình, các tổ chức Hội Đoàn thể và từ Hội thảo, tập huấn.

Kết quả này có thể là những thông tin khoa học quan trọng góp phần khẳng định hiệu quả của việc chuyển dịch cơ cấu chăn nuôi theo hướng sinh thái tại địa phương cũng như giúp cho việc lựa chọn các kênh thông tin quan trọng nhằm góp phần tuyên truyền và triển khai đến nông hộ các hình thức chăn nuôi hiệu quả trong thời gian tới. Do đặc thù địa bàn khảo sát có sự chênh lệch nhiều về đối tượng tham gia hình thức chăn nuôi sinh thái so với chăn nuôi truyền thống, hơn nữa giữa các nhóm

nông hộ chăn nuôi heo, gà, vịt lại có sự khác biệt lớn, chính vì thế hạn chế của nghiên cứu này là không thể kiểm định thống kê sự khác biệt hiệu quả tài chính theo từng tiêu chí và từng nhóm nông hộ. Mong rằng các nghiên cứu tiếp theo về nông nghiệp sinh thái sẽ tiếp cận vấn đề này rõ hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Minh Phước, 2016. Chuyên dịch cơ cấu ngành kinh tế nông nghiệp thành phố Cần Thơ theo hướng

nâng cao giá trị gia tăng.

<<http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/kinh-te/2016/42044/Chuyen-dich-co-cau-nganh-kinh-te-nong-nghiep-thanh-pho-Can.aspx>>. [Ngày truy cập: 15/11/2016].

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phong Điền (2016). Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác tháng 12, lũy kế cả năm 2016, và phương hướng nhiệm vụ năm 2017.